

Báo cáo

THỊ TRƯỜNG THÉP THÁNG 11/2020

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.



TÓM TẮT	03
PHẦN I: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI	04
1. Sản lượng thép thế giới	04
2. Diễn biến xuất nhập khẩu.....	06
3. Diễn biến giá.....	10
4. Dự báo.....	11
PHẦN II: THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC.....	12
1. Tình hình sản xuất.....	12
2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho.....	12
3. Diễn biến giá.....	15
PHẦN III: THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM.....	16
1. Sản lượng thép Việt Nam.....	16
2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho.....	17
3. Diễn biến giá	20
PHẦN IV: CHÍNH SÁCH	22
PHẦN V: HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH	24
PHỤ LỤC.....	27

ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN:

Nội dung: Huyền Trang, Lan Hương, Phùng Đức Quyền

Thiết kế: Alex Chu

TÓM TẮT

Tháng 11/2020, giá thép đã phục hồi hoặc tăng mạnh ở hầu hết thị trường toàn cầu, đáng chú ý nhất là ở Mỹ và Ấn Độ. Việc tăng giá phần lớn là do thiếu hụt nguồn cung thép, với thời gian giao hàng kéo dài ở châu Âu và Mỹ.

Sản lượng thép thô thế giới tiếp tục duy trì đà tăng mạnh trong tháng 10, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước đạt gần 161,9 triệu tấn, theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới. Trong đó, Trung Quốc ghi nhận tăng trưởng mạnh 12,7% và tiếp tục là động lực chính tạo đà phục hồi của thị trường thép toàn cầu.

Nhu cầu thép đang được thúc đẩy nhờ sự hồi sinh trong sản xuất công nghiệp trên toàn cầu, đặc biệt tại Trung Quốc, nơi sản xuất và tiêu thụ thép lớn nhất thế giới.

Tuy nhiên, lũy kế 10 tháng đầu năm, tổng sản lượng thép thô thế giới vẫn giảm 2% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1.512,7 triệu tấn. Trung Quốc, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran là số ít những nước có sản lượng cao và tiếp tục tăng trưởng trong 10 tháng đầu năm.

Tháng 11, sản xuất và bán hàng các sản phẩm thép các loại trong nước tháng 11 tăng 4,34% so với tháng trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ 2019. Trị giá xuất khẩu tháng 10 của Việt Nam đạt 539 triệu USD giảm không đáng kể so với tháng 9/2020 nhưng tăng hơn 60% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 10 tháng đầu năm, ASEAN và Trung Quốc vẫn là hai thị trường xuất khẩu chính của thép Việt. Đáng lưu ý xuất khẩu thép sang Trung Quốc tăng mạnh cả về lượng và giá trị đạt 2,98 triệu tấn tương đương với giá trị 1,9 tỷ USD, chiếm 36,56% tỷ trọng xuất khẩu thép 10 tháng 2020 của Việt Nam.

PHẦN I

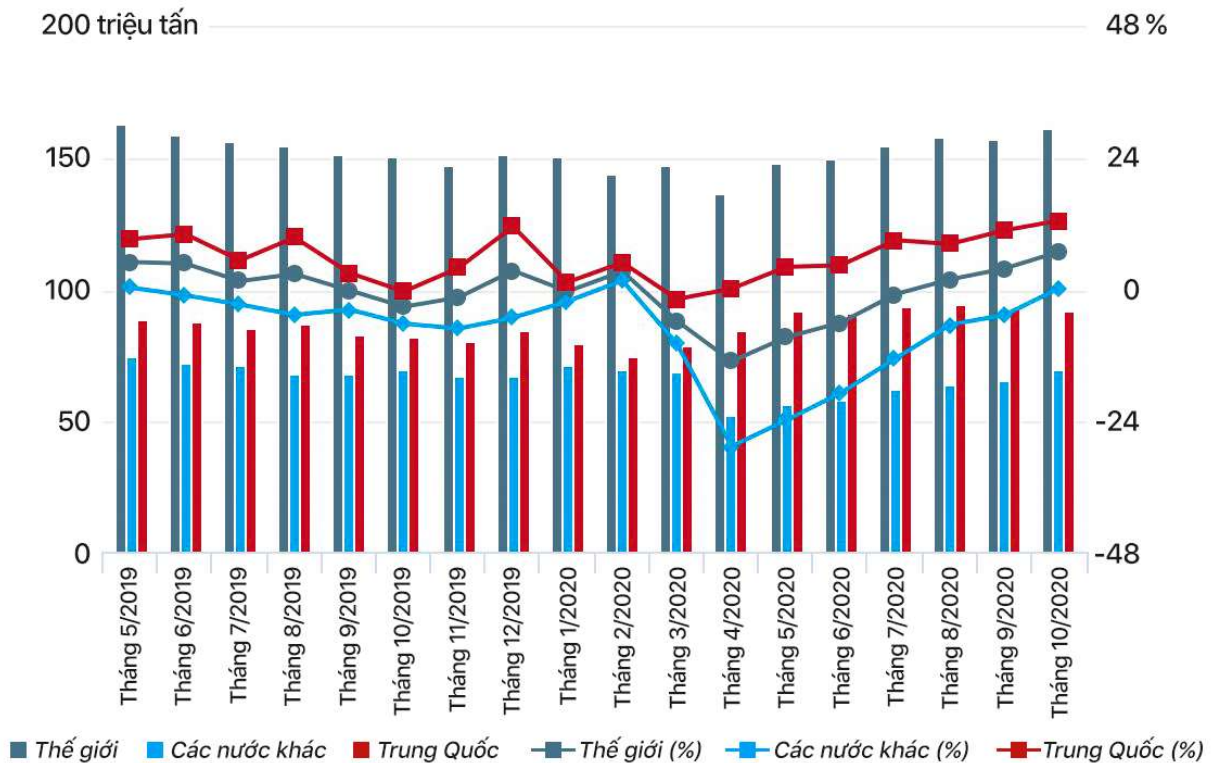
THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

1. Sản lượng thép thế giới

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới (tại 64 nước) tăng mạnh 7% trong tháng 10 so với cùng kì năm trước đạt gần 161,9 triệu tấn.

Trung Quốc, nước có sản lượng thép lớn nhất thế giới, tiếp tục ghi nhận tăng trưởng mạnh 12,7% về sản lượng trong tháng 10 với hơn 92,2 triệu tấn.

Tháng 10, ngoài Trung Quốc, có 16 nước ghi nhận sản lượng thép thô đạt trên 1 triệu tấn, trong đó có 7 nước ghi nhận giảm về sản lượng, đây là một dấu hiệu tích cực cho thị trường thép chung.

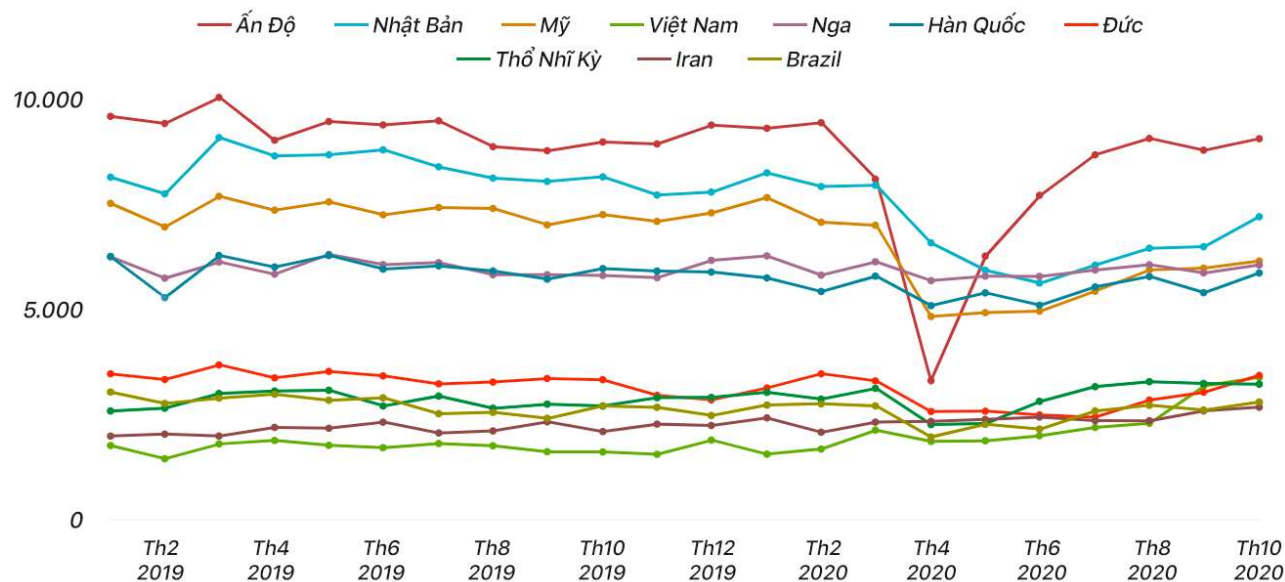


Biểu đồ 1: Sản lượng thép thô thế giới (Nguồn: World Steel)

Ấn Độ sản xuất được 9,1 triệu tấn thép thô vào tháng 10, tăng 0,9% so với tháng 10/2019; Nhật Bản sản xuất được 7,2 triệu tấn, giảm 11,7%; Mỹ sản xuất được 6,14 triệu tấn, giảm 15,3%, là hai nước có mức giảm mạnh nhất trong nhóm 16 nước kể trên.

Tại Liên minh châu Âu, Đức sản xuất 3,4 triệu tấn (tăng 3,1%), Italy sản xuất 2,1 triệu tấn (giảm 4,6%) và Tây Ban Nha sản xuất 1,1 triệu tấn thép thô trong tháng 10 (giảm 7,7%). Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) có sản lượng ước tính là 8,4 triệu tấn, tăng 4,7% so với cùng kì năm trước.

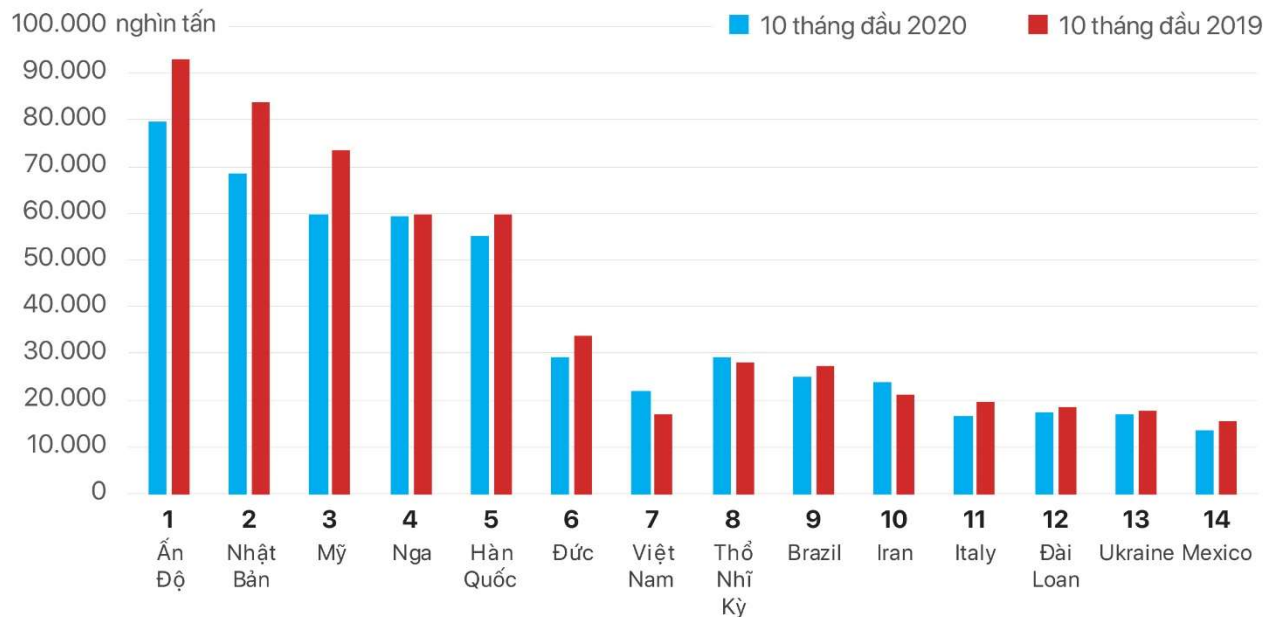
Việt Nam tiếp tục là một điểm sáng với sản lượng thép tăng gấp đôi so với cùng kì năm trước, từ gần 1,6 triệu tấn trong tháng 10/2019 lên 3,37 triệu tấn trong tháng 10/2020.



Biểu đồ 2: Sản lượng thép thô các nước trên thế giới hàng tháng từ tháng 1 đến tháng 9/2020
(Đơn vị: nghìn tấn. Nguồn: World Steel)

Lũy kế 10 tháng đầu năm, tổng sản lượng thép thô thế giới đạt 1.512,7 triệu tấn, vẫn giảm 2% so với cùng kì năm trước.

Trung Quốc, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran là số ít những nước có sản lượng cao và tiếp tục tăng trưởng trong 10 tháng đầu năm.



Biểu đồ 3: Sản lượng thép thô 10 tháng đầu năm các khu vực sản xuất lớn trên thế giới, ngoại trừ Trung Quốc
(Nguồn: Worldsteel)

Thống kê từ Viện Sắt Thép Mỹ (AISI), sản xuất thép tại Mỹ trong tháng 11 vẫn ổn định so với tháng liền trước mặc dù lượng người nhiễm mới COVID-19 ngày càng tăng cao ở nhiều bang. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, sản xuất thép giảm 13,3%.

Trong tuần kết thúc ngày 7/11, sản lượng thép thô của nước này đạt 1,57 triệu tấn, tăng 1% so với tuần trước đó, trong khi giảm 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Công suất sử dụng đạt 71,1%, tăng 0,7% so với tuần trước đó song giảm 7,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính đến tuần kết thúc ngày 7/11, sản lượng thép thô của Mỹ đạt 67,38 triệu tấn, giảm 18,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Công suất sử dụng đạt 66,8%, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

2. Diễn biến xuất nhập khẩu

Tình hình xuất khẩu

Ấn Độ: Sau khi chạm mức cao kỷ lục 2,56 triệu tấn trong tháng 6/2020, xuất khẩu thép Ấn Độ đã giảm dần xuống 2,49 triệu tấn trong tháng 7; 1,8 triệu tấn trong tháng 8; 1,58 triệu tấn trong tháng 9 và 1,02 triệu tấn vào tháng 10

Xuất khẩu trong tháng 10/2020 giảm 35% so với tháng trước. Phôi thép, chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cả tháng 9 và tháng 10, lần lượt là 0,79 triệu tấn và 0,49 triệu tấn, giảm khoảng 38% so với tháng trước.

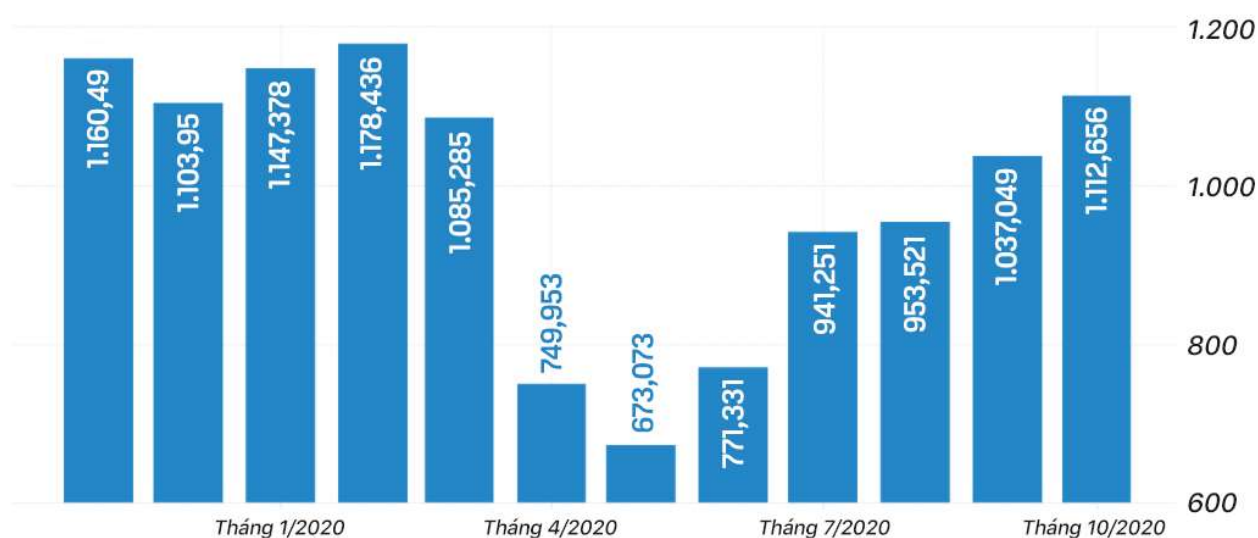
Sản phẩm thép dài, luôn chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ khối lượng hàng xuất khẩu, giảm 36% so với tháng trước.

Trong tháng 11, các thương nhân không thấy bất kỳ đơn đặt hàng mới nào lớn hoặc đáng kể. Tuy nhiên, các lô nhỏ vẫn tiếp tục diễn ra, đặc biệt là từ các nhà máy lớn sang các nước láng giềng hoặc Đông Nam Á.



Mỹ: Theo số liệu từ *Trading Economics*, giá trị xuất khẩu sắt thép và các sản phẩm sắt thép của Mỹ đã tăng từ 1.037 triệu USD vào tháng 9 lên 1.112,7 triệu USD vào tháng 10, tương đương tăng 7,3%.

Trong 10 tháng đầu năm, các thị trường xuất khẩu lớn nhất của sắt thép Mỹ là Canada, EU, Mexico, Trung Quốc.



Biểu đồ 4: Giá trị xuất khẩu sắt thép hàng tháng của Mỹ
(Đơn vị: triệu USD. Nguồn: *tradingeconomics.com*)



Nhật Bản: Theo số liệu từ Hiệp hội thép Nhật Bản, trong tháng 10, Nhật Bản đã xuất khẩu 2,499 triệu tấn thép các loại, tăng nhẹ 0,2% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tín hiệu tích cực cho thị trường sắt thép

nước này do trước đó ghi nhận 5 tháng sụt giảm liên tiếp về sản lượng (so với tháng trước). Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 2.152 triệu USD.

Xuất khẩu các loại sắt thép thông thường (chủ yếu là thép bán thành phẩm, băng cuộn cán nóng, cuộn cán nguội, thép tấm, thép mạ kẽm,...) đạt gần 1,69 triệu tấn, tương đương với con số của tháng trước nhưng vẫn giảm 10% so với cùng kì năm trước.

Trung Quốc, Hàn Quốc và Thái Lan là ba thị trường xuất khẩu thép lớn nhất của Nhật Bản với lượng sắt thép xuất khẩu sang lần lượt là 466.585 tấn, 359.385 tấn và 344.495 tấn. Trong đó, lượng xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 11,3% so với tháng trước trong khi lượng xuất khẩu sang hai thị trường còn lại đều tăng: xuất khẩu sang Hàn Quốc tăng 15% và sang Thái Lan tăng 56,4% so với tháng trước.

Luỹ kế 10 tháng đầu năm, nước này đã xuất khẩu 27,14 triệu tấn sắt thép, giảm 4,1% so với cùng kì năm trước. Trung Quốc là thị trường duy nhất giữ được mức tăng trưởng về xuất khẩu, các thị trường khác đều ghi nhận sụt giảm.



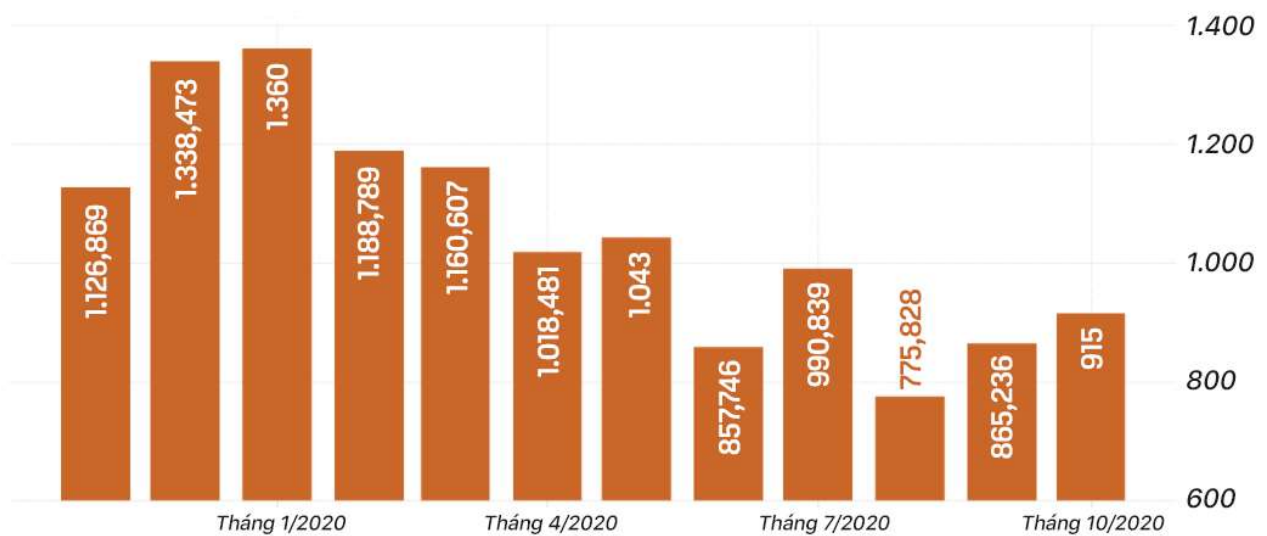
Đài Loan: Trong tháng 10/2020, Đài Loan (TQ) đã xuất khẩu 13.000 tấn thép dầm chữ H, tăng 346% so với tháng 9/2020. Đây là tháng đầu tiên xuất khẩu vượt 10.000 tấn trong năm nay. Trong đó, xuất khẩu sang Hong Kong đạt 9.000 tấn, sang Australia đạt 3.600 tấn.

Cũng trong tháng này, Đài Loan xuất khẩu 6.100 tấn thanh cốt thép, giảm 48% so với tháng 9/2020. Xuất khẩu chủ yếu sang Hong Kong với 5.900 tấn, tiếp theo là Canada, Việt Nam.

Tình hình nhập khẩu



Mỹ: Giá trị nhập khẩu sắt thép tháng 10 của Mỹ tiếp tục tăng nhẹ từ 865,24 triệu USD vào tháng 9 lên 915 triệu USD, tăng 5,7%. Luỹ kế 10 tháng đầu năm, các khu vực xuất khẩu nhiều sắt thép sang Mỹ nhất là Trung Quốc, EU, Mexico, Canada.



Biểu đồ 5: Giá trị nhập khẩu sắt thép Mỹ hàng tháng
(Đơn vị: triệu USD. Nguồn: tradingeconomics.com)



Nhật Bản: Trong tháng 10, nước này đã nhập khẩu 624.444 tấn sắt thép, tăng mạnh gần 23% so với tháng 9, nhưng vẫn giảm 23,3% so với cùng kỳ năm ngoái; kim ngạch nhập khẩu đạt gần 585,7 triệu USD.

Trong đó, lượng nhập khẩu các sản phẩm sắt thép thông thường đạt 381.391 tấn, tăng 34% so với tháng trước và giảm 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng nhập khẩu các loại sản phẩm đặc biệt lại giảm 15,7% so với tháng trước.

Lũy kế 10 tháng đầu năm, khối lượng sắt thép nhập khẩu đạt gần 5,79 triệu tấn, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc vẫn là nước xuất khẩu nhiều sắt thép nhất sang Nhật Bản với 345.279 tấn trong tháng 10. Ngoài ra còn các nước khác như Trung Quốc, Đài Loan nhưng với sản lượng thấp hơn rất nhiều khoảng 73.000 – 92.000 tấn.



Đài Loan: Nhập khẩu thép tấm trong tháng 10 của Đài Loan đạt 44.200 tấn trị giá 687 triệu NTD (tân Đài tệ), giảm 28% so với tháng 9/2020, song tăng gần 40% so với tháng 10/2019. Các thị trường cung cấp chủ yếu là Nhật Bản, Nga và Hàn Quốc.

Nhập khẩu thép cuộn cán nguội (CRC) trong tháng 10/2020 đạt 27.000 tấn, tăng 6,5% so với tháng 9/2020. Các thị trường cung cấp chủ yếu là Trung Quốc với 13.800 tấn và Hàn Quốc 7.800 tấn.

Nhập khẩu thép rằm chữ H trong tháng 10/2020 đạt 1.600 tấn, chủ yếu đến từ Hàn Quốc, nâng tổng số nhập trong 10 tháng đầu năm lên 60.000 tấn.

3. Diễn biến giá

Tháng 11/2020, giá thép đã phục hồi hoặc tăng mạnh ở hầu hết thị trường toàn cầu, đáng chú ý nhất là ở Mỹ và Ấn Độ, trong những tuần gần đây. Việc tăng giá phần lớn là do thiếu hụt nguồn cung thép, với thời gian giao hàng kéo dài ở châu Âu và Mỹ.

Theo *Reuters*, tại Mỹ, giá thép cuộn cán nóng (HRC) tăng gần 70% trong 3 tháng qua khi tình trạng thiếu hụt nguồn cung đẩy giá tăng mạnh. Hiện giá thép HRC tại Mỹ đang ở mức cao nhất trên thế giới. Trước đó, có lúc giá HRC tại Mỹ dao động dưới giá tại khu vực châu Âu và Trung Quốc khi sự gián đoạn vì đại dịch COVID-19 tại Mỹ diễn ra sau so với Trung Quốc.

Trong khi đó, giá HRC trên toàn cầu cũng tăng nhưng không mạnh bằng. Cụ thể, giá HRC FOB Trung Quốc tăng gần 44% kể từ mức đáy trong tháng 5/2020, thời điểm bị tác động mạnh vì COVID-19, trong khi giá thép HRC ở Bắc Âu cũng tăng 42%.

Tình trạng thiếu hụt nguồn cung tại Mỹ khó có thể giảm bớt trong thời gian tới. Một số nhà sản xuất thiết bị và người tiêu dùng cuối cùng tại Mỹ đối mặt với khả năng phải đóng cửa khi chuỗi cung ứng vẫn còn bị nghẽn cho tới cuối năm nay.

Theo *Fastmarkets*, giá thép cây tại Mỹ trong tháng 11/2020 ổn định so với tháng liền trước trong khi giá nhập khẩu tăng. Giá thép thanh vẫn ổn định ở mức 29,75 USD/cwt (595 USD/tấn ngắn), FOB Mỹ.

Theo thông tin từ Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (Vitic), giá thép châu Á biến động theo chiều hướng tăng do nhu cầu tiêu thụ thép hồi phục mạnh tại nhiều nước.

Tại Trung Quốc, giá thép cây tăng mạnh do nhu cầu xây dựng tăng trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng trong khi các biện pháp hạn chế sản xuất để bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm ngặt hơn, tồn kho giảm.

Tại Nhật Bản, sau khi tăng giá vào tháng 10 do chi phí sản xuất cao, các nhà sản xuất thép Nhật Bản đã giữ ổn định giá trong tháng này.

Tại Hàn Quốc, cung và cầu thép đều giảm do nhu cầu tiêu thụ ô tô, tàu thủy, xây dựng giảm, sản lượng thép thô trong 9 tháng đầu năm giảm 7,5%.

Tại Ấn Độ, giá thép tăng thêm 750 - 1000 rupee/tấn trong tháng qua do nhu cầu hồi phục và giá nguyên liệu thô tăng. Các nhà máy đang tìm cách tăng giá thép cuộn cán nóng xuất khẩu thêm 20 USD/tấn vì giá thép này trong nước dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong tháng cuối năm.

Tại Đài Loan, nhu cầu tiêu thụ thép tăng cùng với giá nguyên liệu cao đã khiến các nhà máy nước này tiếp tục tăng giá bán thép. Sau khi E-Sheng Steel tăng giá thêm 500 TWD/tấn, giá thép hình V SS400 cỡ nhỏ đạt 18.900 - 19.900 TWD/tấn, trong khi thép hình V A36 là 18.900 TWD/tấn. Giá thép thanh dẹt A36 và SS400 là 18.900-20.800 TWD/tấn. Giá sắt tròn A36 là 16.900-17.900 TWD/tấn.

4. Dự báo

Nhu cầu tiêu thụ thép sẽ phụ thuộc rất lớn vào tình hình dịch COVID-19 và thời tiết. Giá thép được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong tháng tới khi các nền kinh tế đang phục hồi và nhu cầu thép tăng trở lại.

Trước đó, Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel) đã dự báo rằng nhu cầu thép sẽ giảm 2,4% xuống 1.725,1 triệu tấn trong năm 2020 và tăng lên 1.795,1 triệu tấn vào năm 2021, tăng 4,1% so với năm 2020.

PHẦN II

THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC

1. Tình hình sản xuất

Tháng 12 sẽ chứng kiến sự thu hẹp hơn nữa của sản xuất thép, nhập khẩu thép và thép bán thành phẩm ở Trung Quốc, so với các lô hàng của tháng 11. Nhu cầu mạnh mẽ trong ngành thép Trung Quốc sẽ tiếp tục duy trì với tình hình hoạt động khác nhau ở nhóm thép xây dựng và các sản phẩm thép dùng trong công nghiệp. Nguyên liệu thô sẽ tiếp tục là yếu tố quan tâm hàng đầu do căng thẳng về nguồn cung và giá cao.

Nguồn cung quặng sắt vẫn khan hiếm trong những ngày đầu tháng 12. Sự gia tăng hàng tồn kho tại cảng không chuyển thành nguồn cung. Trên thực tế, các nhà máy Trung Quốc đang bổ sung dự trữ quặng sắt trong quý IV, tránh tình trạng thiếu hụt nguồn cung quặng sắt trong quý đầu tiên năm sau khi Australia thường bị ảnh hưởng bởi bão.

Vào tháng 11, thị trường thép Trung Quốc tiếp tục tăng chủ yếu do nhu cầu bùng nổ. Ví dụ, nhu cầu thép xây dựng được đẩy lên do hoạt động xây dựng và cung tiền ở mức cao. Các sản phẩm thép tấm được hưởng lợi từ sự bùng nổ xuất khẩu thiết bị gia dụng và tăng trưởng cao trong ngành ô tô.

Nhu cầu thép, đặc biệt là ở phía bắc Trung Quốc, đang trở nên kém đi nhưng không có nghĩa là nhu cầu giảm, vì chính phủ Trung Quốc sẽ nỗ lực để nâng cao tăng trưởng kinh tế vào cuối năm 2020, các công trường vẫn hoạt động ngay cả khi tuyết rơi và các hoạt động ở phía nam vẫn đang diễn ra, ngành công nghiệp đang nhận đầy đủ đơn đặt hàng và sẽ tiếp tục hỗ trợ các sản phẩm thép tấm.

2. Xuất nhập khẩu, tồn kho

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, Trung Quốc nhập khẩu 1,93 triệu tấn thép trong tháng 10, tăng 88,5% so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu hơn 4 triệu tấn thép, giảm 15,5% so với năm ngoái. Lượng phôi thép nhập khẩu là 1,6 triệu tấn và xuất khẩu 1.900 tấn.

Nguồn cung thép thô và sản phẩm thép trong tháng 10 ước tính đạt 91,57 triệu tấn và 116,38 triệu tấn, tăng 17,9% và tăng 17,7% so với kỳ trước.

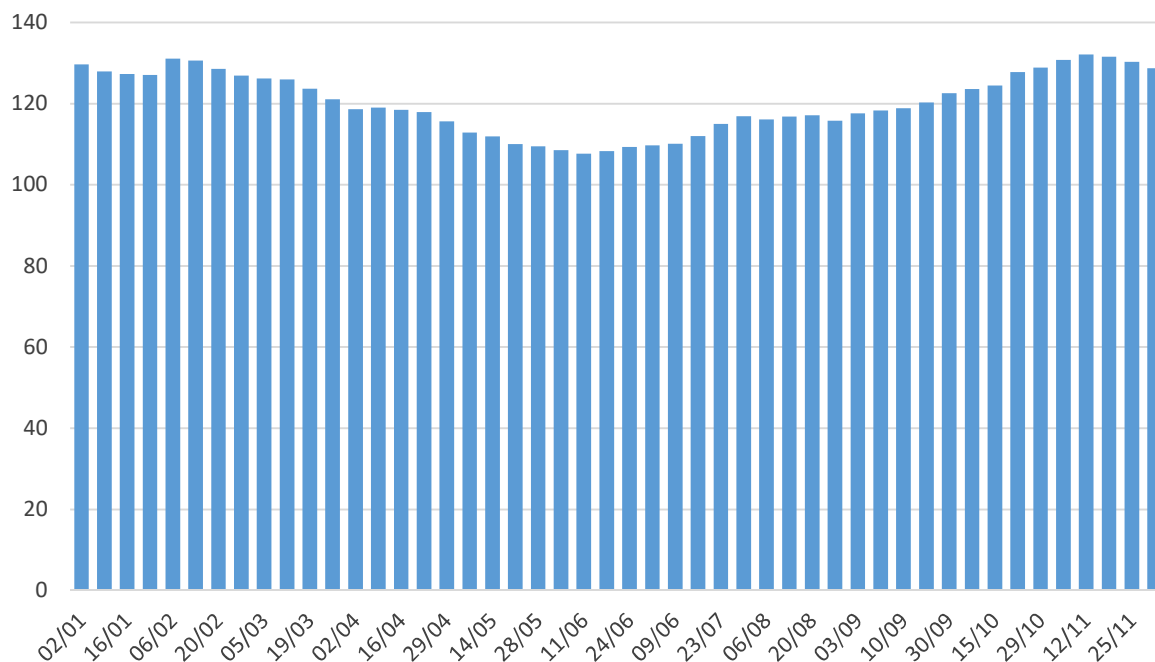
Đơn vị: 10.000 tấn	Tháng 12/2020 (ước tính)	Tháng 12/2019	Thay đổi	Tăng/Giảm
Sản lượng thép thô	8.897	8.427	▲ 470	▲ 5,6
Nhập khẩu thép	120	148	▼ 28	▼ 18,9
Xuất khẩu thép	400	462	▼ 62	▼ 13,4
Nhập khẩu phi thép	120	86	▲ 34	▲ 39,5
Xuất khẩu phi thép	0,2	0,33	▼ 0,13	▼ 39,4
Tổng nguồn cung thép	8.719	8.179	▲ 540	▲ 6,6

Theo dữ liệu của tổ chức tư vấn SteelHome, tổng lượng tồn kho của 5 sản phẩm thép trên thị trường và các nhà máy tính đến ngày 26/11 là 16,4 triệu tấn, giảm 4,5 triệu tấn hay 21,7% so với cuối tháng 10.

	Nov end	Oct. 30	Nov end VS Oct. 30		Post-Spring Festival peak Mar. 12 2020	VS post-Spring Festival peak		Nov. 28 2019	Nov end: 2020 VS 2019	
			up/down	up/down (%)		up/down	up/down (%)		up/down	up/down (%)
Tồn kho thị trường	1.029	1.386	▼ 357	▼ 25,76	2.612	▼ 1.583	▼ 60,61	804	▲ 225	▲ 27,92
Thép thanh	453	664	▼ 211	▼ 31,82	1.300	▼ 848	▼ 65,20	282	▲ 171	▲ 60,70
Thép dây (cuộn)	138	209	▼ 72	▼ 34,12	533	▼ 396	▼ 74,15	99	▲ 39	▲ 38,75
Thép tấm cỡ vừa	92	100	▼ 8	▼ 8,14	145	▼ 53	▼ 36,62	88	▲ 4	▲ 4,07
HRC	224	281	▼ 57	▼ 20,23	445	▼ 221	▼ 49,70	204	▲ 20	▲ 10,01
CRC	123	132	▼ 9	▼ 7,13	188	▼ 65	▼ 34,74	132	▼ 9	▼ 6,76
Tồn kho nhà máy	610	706	▼ 97	▼ 13,70	1.687	▼ 1.078	▼ 63,87	404	▲ 206	▲ 51,02
Thép thanh	304	363	▼ 59	▼ 16,31	923	▼ 619	▼ 67,08	175	▲ 129	▲ 73,69
Thép dây (cuộn)	112	142	▼ 30	▼ 21,09	393	▼ 281	▼ 71,50	60	▲ 52	▲ 87,01
Thép tấm cỡ vừa	72	73	▼ 1	▼ 1,60	128	▼ 56	▼ 43,73	66	▲ 6	▲ 9,71
HRC	85	88	▼ 3	▼ 3,63	160	▼ 75	▼ 46,94	70	▲ 15	▲ 21,71
CRC	37	40	▼ 3	▼ 7,98	83	▼ 46	▼ 55,64	33	▲ 3	▲ 10,06

Cũng trong thời gian này, tỷ lệ vận hành lò cao của các nhà máy thép lớn ở Trung Quốc là 94,62% (tính theo công suất), giảm 0,19 điểm% so với cuối tháng 10. Tỷ lệ hoạt động của lò điện hồ quang là 82,16% (tính theo công suất), tăng 0,74 điểm %.

Bên cạnh đó, giao dịch thép cây, thép tấm cỡ vừa và thép cuộn cán nóng hàng ngày trên thị trường lớn đạt 92.500 tấn, 26.400 tấn và 27.200 tấn, tương đương 115,1%, 124,9% và 123,6% so với khối lượng giao dịch trung bình hàng ngày vào năm 2019, trong khi tăng 2,5%, 14,4% và 23,4% so với giao dịch hàng ngày so với cùng kỳ năm ngoái.



Biểu đồ 6: Tồn kho quặng sắt Trung Quốc tính đến ngày 04/12 (Đơn vị: tấn)

Đến ngày 25/11, tồn kho quặng sắt nhập khẩu tại các cảng Trung Quốc là 130,30 triệu tấn, gần bằng mức 129,50 triệu tấn trong thời gian đối ứng năm 2019.

Theo Cục Thống kê Quốc gia, sản lượng thép thô, gang thép và các sản phẩm thép trong tháng 10 là 92,2 triệu tấn, 76,17 triệu tấn và 118,48 triệu tấn, tăng 12,7%, tăng 9,4% và tăng 14,2% so với cùng kỳ.

Vào tháng 12, SteelHome dự báo khả năng lớn về sản lượng sụt giảm so với dữ liệu của tháng 11, trong khi vẫn cho thấy mức tăng trưởng nhanh chóng hàng năm. Các nhà máy ở Trung Quốc sẽ sắp xếp đại tu vào cuối năm và động thái bảo vệ môi trường trong mùa đông sẽ hạn chế các hoạt động sản xuất.

SteelHome dự đoán sản lượng thép thô trung bình ngày trong tháng 12 sẽ đạt 2,87 triệu tấn. Nguồn cung thép thô khoảng 87,19 triệu tấn, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

3. Diễn biến giá

Tính đến ngày 30/11, hợp đồng tương lai thép cây kỳ hạn tháng 1/202121 và hợp đồng tương lai thép cán nóng được giao dịch trên Sàn giao dịch hàng hóa Thượng Hải đóng cửa ở mức 3.906 CNY (nhân dân tệ) và 4.175 CNY, tăng 204 CNY hoặc 311 CNY so với hồi cuối tháng 10.



Biểu đồ 6: Tồn kho quặng sắt Trung Quốc tính đến ngày 04/12 (Đơn vị: tấn)

Giá thép cán nóng (HRC) trong nước nhìn chung tăng trong bối cảnh biến động trong tháng 11. Hợp đồng tương lai tăng mạnh vào đầu tháng 11 đã thúc đẩy giá sản phẩm giao ngay đạt mức cao mới trong năm nay và giữ vững niềm tin của thị trường.

Tuy nhiên, giao dịch tương đối yếu ở các mức giá cao. Giá sản phẩm giao ngay bắt đầu giảm vào giữa tháng 11 với lượng giao dịch ít hơn. Đồng thời, việc giá kỳ hạn tháng 12 giảm mạnh vào cuối tháng khiến một số thương nhân có xu hướng đẩy mạnh bán ra khi giá sản phẩm giao ngay giảm trên một số thị trường. Do vậy, có thể hầu hết các nhà giao dịch hiện đang thận trọng trong việc thu mua và chủ yếu là xúc tiến bán hàng để đảm bảo nguồn vốn vì giá HRC tương đối cao.

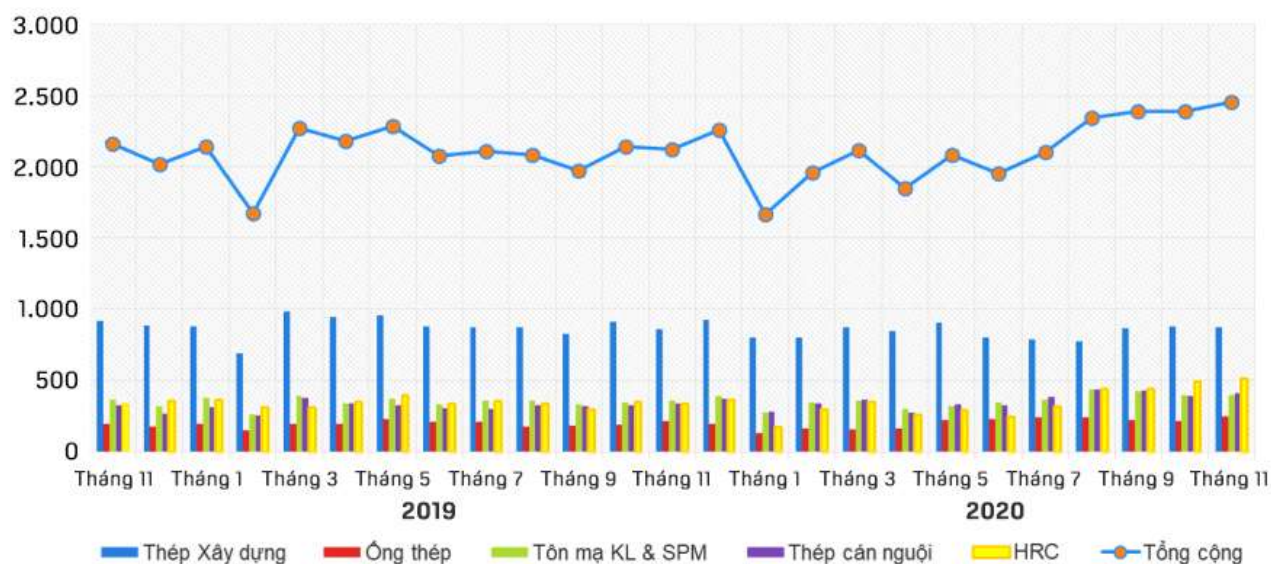
PHẦN III

THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM

1. Sản lượng thép Việt Nam

Theo số liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản xuất và bán hàng các sản phẩm thép các loại trong nước tháng 11 đạt 2.454.736 tấn, tăng 4,34% so với tháng trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ 2019.

Bán hàng thép các loại đạt 2.455.845 tấn, tăng mạnh 36,88% so với tháng 10/2020 và tăng 20,9% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, xuất khẩu thép các loại đạt 478.375 tấn, tăng 21,52% so với tháng trước, và tăng 40,0% so với cùng kỳ tháng 10/2019.

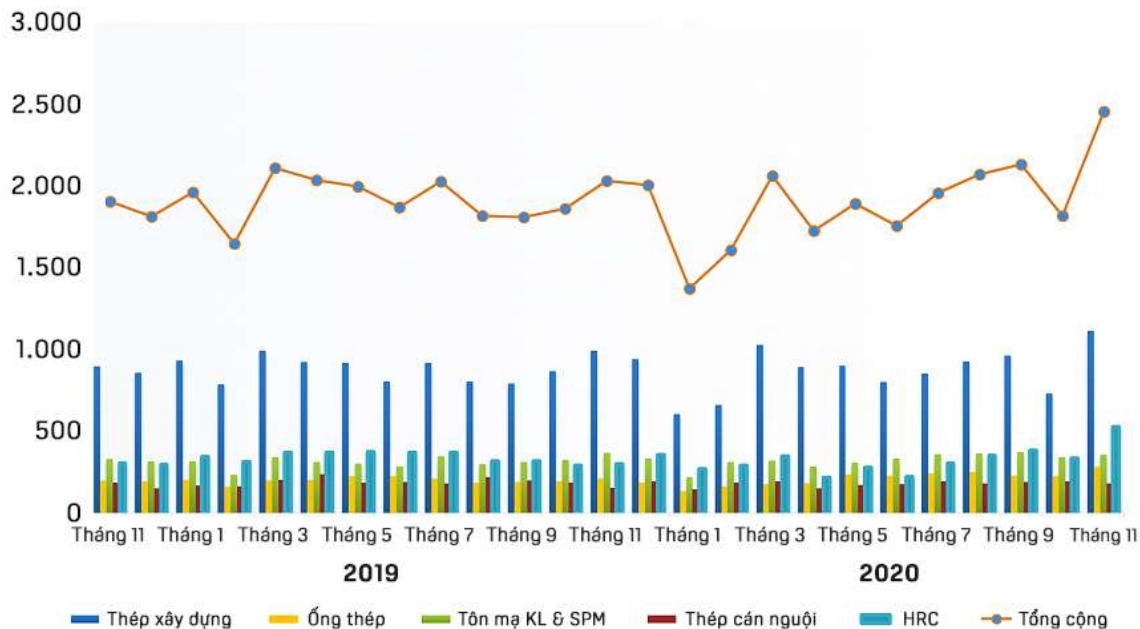


Biểu đồ 7: Tình hình sản xuất thép thành phẩm tháng 11/2020

(Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam. Đơn vị: tấn)

Lũy kế 11 tháng đầu năm, Việt Nam đã sản xuất được hơn 15,5 triệu tấn thép thô tăng 12% so với cùng kỳ năm 2019. Bán hàng đạt 15.377.101 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ 2019. Trong đó xuất khẩu đạt 2.999.382 tấn, tăng gấp 4,23 lần.

Đối với thép thành phẩm các loại, sản xuất thép các loại đạt 23.331.689 tấn, tăng 1% so với cùng kỳ 2019. Bán hàng thép các loại đạt 21.016.002 tấn, giảm 0,9%, trong đó, đặc biệt xuất khẩu thép các loại đạt 4.111.838 tấn, giảm 2,8%.



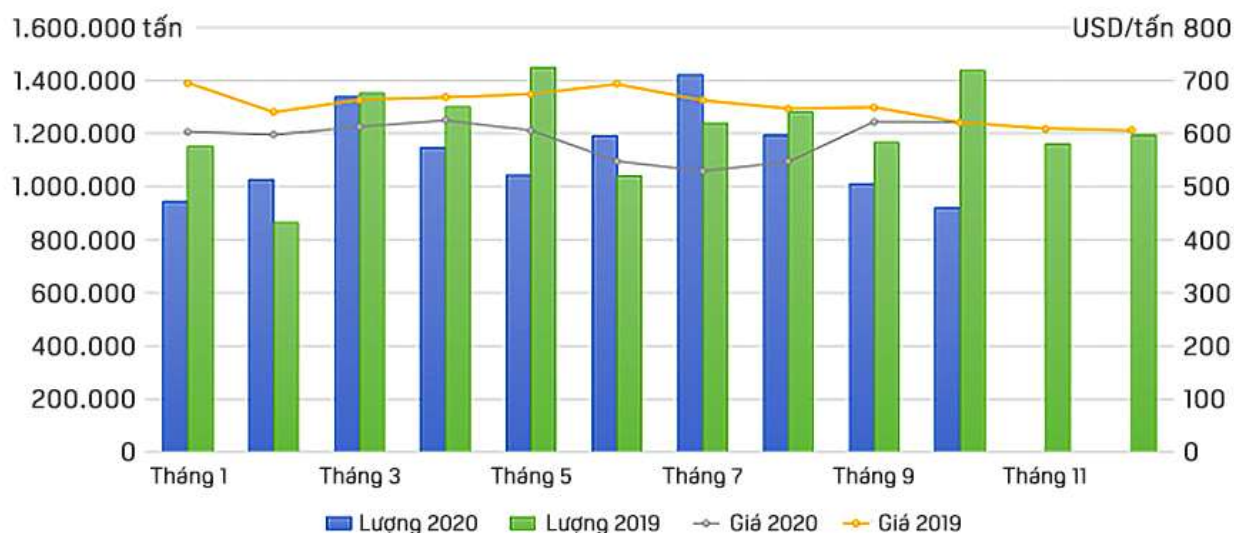
Biểu đồ 8: Tình hình bán thép thành phẩm tháng 11/2020 (Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam. Đơn vị: tấn).

2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho

Nhập khẩu

Theo số liệu của VSA, nhập khẩu thép về Việt Nam trong tháng 10 năm 2020 đạt 919.000 tấn với kim ngạch 599 triệu USD, giảm 9% về lượng và 4% về trị giá so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước giảm lần lượt là 34,4% và giảm 31,4%.

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu thép về Việt Nam là 11,28 triệu tấn với trị giá trên 6,6 tỷ USD, giảm lần lượt 7% về lượng và giảm 17% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.



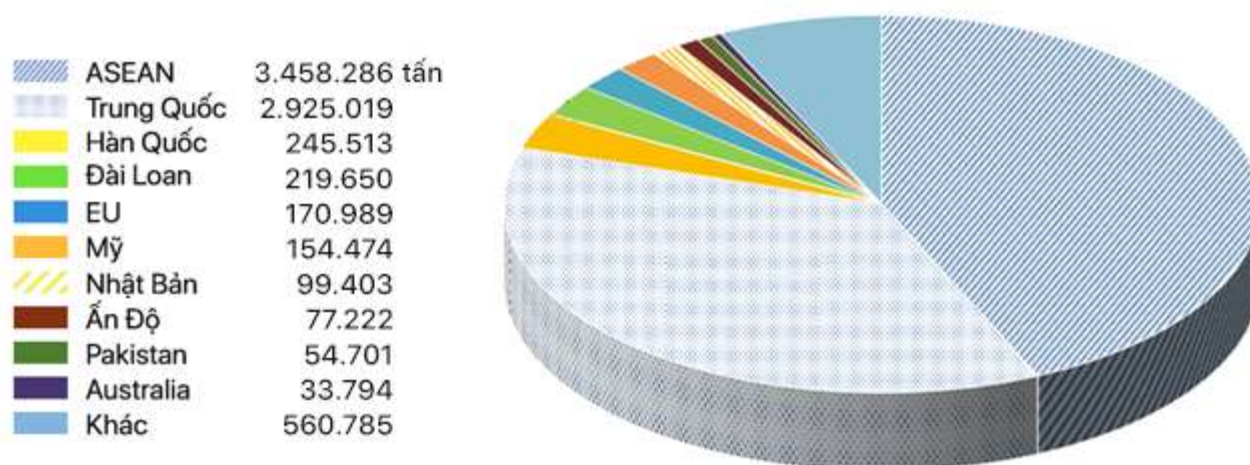
Biểu đồ 9: Diễn biến lượng và giá thép năm nhập khẩu vào Việt Nam năm 2020
(Nguồn: VITIC, Tổng cục Hải quan).

Trong đó, lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc là gần 2,98 triệu tấn, với trị giá nhập khẩu gần 1,9 tỷ USD, chiếm 26% tổng lượng thép nhập khẩu và 28% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước. Tiếp theo đó là các nước Ấn Độ (chiếm 19,5%), Nhật Bản (19,3%), Hàn Quốc (13,3%), Đài Loan (12%).

Xuất khẩu

Tháng 10, xuất khẩu thép của Việt Nam đạt hơn 1 triệu tấn, giảm nhẹ so với tháng trước, nhưng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019 về sản lượng xuất khẩu. Trị giá xuất khẩu đạt 539 triệu USD giảm không đáng kể so với tháng 9/2020 nhưng tăng hơn 60% so với cùng kỳ năm 2019.

Luỹ kế 10 tháng năm 2020, Việt Nam xuất khẩu thép đạt 7,99 triệu tấn, với trị giá đạt 4,19 tỷ USD đến hơn 30 quốc gia và khu vực trên thế giới, trong đó, các thị trường xuất khẩu chính là ASEAN, Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ.



Biểu đồ 10: Top 10 quốc gia xuất khẩu thép của Việt Nam 10 tháng đầu năm 2020 (Nguồn: VITIC).

Xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 2,98 triệu tấn tương đương với trị giá 1,9 tỷ USD, tăng đột biến cả về lượng và trị giá xuất khẩu so với 10 tháng năm 2019, chiếm 36,56% tỷ trọng xuất khẩu thép 10 tháng 2020 của Việt Nam.

ASEAN, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam đạt 3,45 triệu tấn, tương đương với trị giá 1,8 tỷ USD, tăng 2% về lượng xuất khẩu nhưng giảm 9,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Tiêu thụ trong nước

Theo báo cáo của Hiệp hội Thép, lượng thép xây dựng bán ra trong 11 tháng năm 2020 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 ở mức 2,7% trong đó xuất khẩu tăng 4,1% và tiêu thụ nội địa giảm 3,7%.

Thị trường thép cây dựng nội địa có nhu cầu tiêu thụ thép nhiều hơn trong quý III. Mặc dù sản xuất thép xây dựng trong quý III giảm nhẹ lần lượt 5% và 2% so với các quý I và II. Nhưng bán hàng thép tăng trưởng so với hai quý trước lần lượt là 6% và 19%.

Tồn kho thời điểm ngày 30/11/2020 là 417.337 tấn. Đây là mức tồn kho tương đối thấp so với các tháng trước, để gối đầu bán hàng các tháng sau.

3. Diễn biến giá nguyên liệu

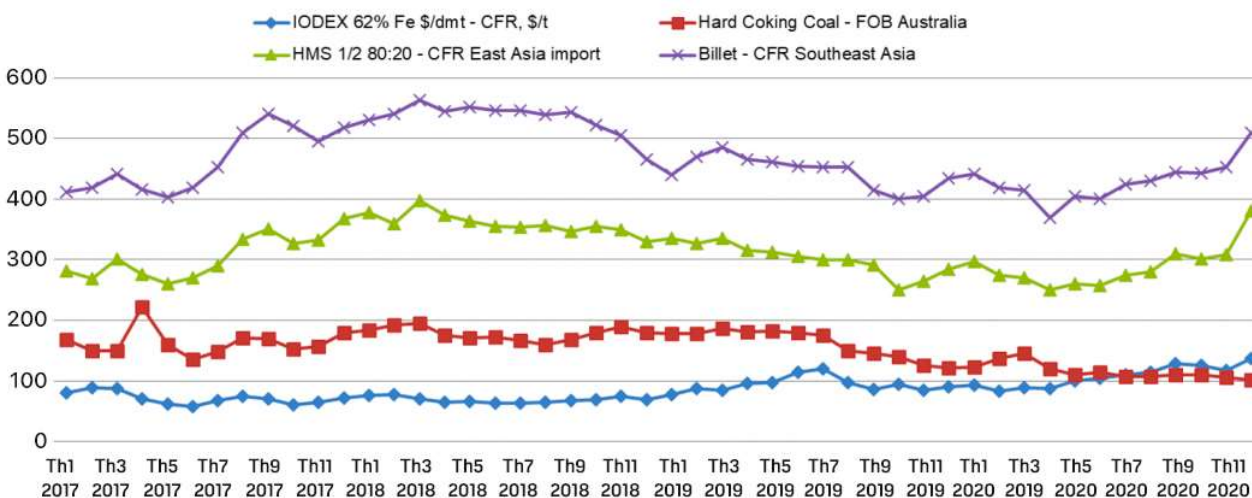
Theo VSA, trong ba năm trở lại đây, giá các loại nguyên liệu sản xuất thép là quặng sắt và thép phế liệu tăng cao bất thường và thiết lập mốc giá mới trong tháng 11/2020; Cảng thẳng thương mại giữa Australia và Trung Quốc, xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại và các rủi ro tài chính diễn ra trong bối cảnh kinh tế ảm đạm toàn cầu do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Giá quặng sắt loại 62% Fe ngày 02/12/2020 giao dịch ở mức 136,5 - 137 USD/tấn CFR cảng Thiên Tân, Trung Quốc, tăng đáng kể khoảng 20 USD/tấn tương ứng với 16-17% so với đầu tháng 11/2020.

Giá than mỡ luyện cốc xuất khẩu tại cảng Australia (giá FOB) 02/12/2020: Premium Hard coking coal: khoảng 102,2USD/tấn, giảm nhẹ so với đầu tháng 11/2020.

Thép phế liệu: Giá thép phế HMS 1/2 80:20 nhập khẩu cảng Đông Á ở mức 380 USD/tấn CFR Đông Á ngày 02/12/2020. Mức giá này tăng 72USD/tấn so với hồi đầu tháng 11/2020.

Giá thép phế chào bán tại các thị trường Đông Á có xu hướng tăng mạnh, châu Âu và châu Mỹ có chiều hướng đi ngang.



Biểu đồ 11: Giá nguyên liệu sản xuất thép năm 2020 (Nguồn: Platts, VSA. Đơn vị: USD/tấn).

Điện cực graphite: Khi tình hình thị trường thép đang được cải thiện, sản xuất thép lò điện hạ nguồn đã tăng lên. Cũng do đại dịch, nhiều đơn vị GE quy mô nhỏ đã phải đóng cửa,

dẫn đến nguồn cung cấp điện cực graphite kích thước nhỏ trở nên eo hẹp và niềm tin của các nhà sản xuất GE khác được nâng cao.

Giá cho điện cực loại 450mm HP hiện được đánh giá là 14.000-14.200 CNY/tấn (2.130 - 2.160 USD/tấn) trong khi giá 600mm là khoảng 18.000 - 20.500 CNY/tấn (2.685 - 2.980 USD/tấn).

PHẦN IV

CHÍNH SÁCH

Việt Nam khởi xướng điều tra 9 vụ phòng vệ thương mại

Đến hết tháng 11, Việt Nam đã tiến hành khởi xướng điều tra 9 vụ việc phòng vệ thương mại liên quan đến các sản phẩm thép nhập khẩu vào Việt Nam.

- Thép không gỉ cán nguội (AD 01)
- Tôn mạ (AD 02)
- Thép hình H (AD 03)
- Tôn mạ màu (AD 04)
- Phôi thép và Thép dài (SG 04)
- Tôn màu (SG 05) (Từ 15/6/2020: Hết hiệu lực)
- Thép cuộn và thép dây (Chống lẩn tránh biện pháp PVTM)
- Thép các-bon cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm (AD 08)
- Thép hình chữ H từ Malaysia (AD 12)

Kể từ 2004 đến tháng 11/2020, nước ngoài kiện thép xuất khẩu của Việt Nam là 63 vụ việc. Trong đó có 35 vụ kiện chống bán phá giá; 3 vụ kiện chống trợ cấp; 6 vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp và 13 vụ kiện điều tra áp dụng biện pháp tự vệ.

Ngày 20/11/2020, Bộ Công thương ban hành kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép hình chữ H gồm các mã HS: 7216.33.11, 7216.33.19, 7216.33.90, 7228.70.10, 7228.70.90 nhập khẩu vào Việt Nam từ Trung Quốc. Theo đó, mức thuế chống bán phá giá (áp dụng từ ngày 25/10/2020 đến ngày 5/9/2022) là 19,30 – 29,17% cho từng công ty.

Canada khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm thép cốt bê tông nhập khẩu từ Việt Nam

Ngày 22/9/2020, Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) thông báo khởi xướng điều tra CBPG đối với sản phẩm thép cốt bê tông (Concrete reinforcing bar – mã HS:7213.10, 7214.20, 7215.90, 7227.90) có xuất xứ từ Việt Nam và một số nước.

Nguyên đơn: ArcelorMittal Long Products Canada G.P (nhà sản xuất thép cốt bê tông lớn nhất Canada), AltaSteel Inc., Gerdau Ameristeel Corporation.

Thời kỳ điều tra: 1/6/2019 – 30/6/2020

Thời kỳ phân tích khả năng sinh lời: 1/4/2019 – 30/6/2020

Thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra là ngày 29/10/2020.

Chính phủ Thái Lan bắt đầu điều tra chống bán phá giá thép HRC nhập khẩu từ Việt Nam và Ai Cập

Theo thông báo từ Chính phủ Thái Lan, 4 nhà sản xuất thép nội địa tại Thái Lan là Sahaviriya Steel Industries, G Steel, GJ Steel và Sahaviriya Plate Mill, đã yêu cầu chính phủ bắt đầu điều tra chống bán phá giá đối với thép cuộn cán nóng và thép tấm độ dày từ 0,9 mm đến 100 mm, chiều rộng từ 100 mm đến 3.200 mm nhập khẩu từ Việt Nam và Ai Cập.

PHẦN V

HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Trong tháng 11, các doanh nghiệp niêm yết ngành thép lần lượt công bố những thông tin khả quan về tăng trưởng doanh thu ấn tượng, mở rộng hoạt động kinh doanh,...

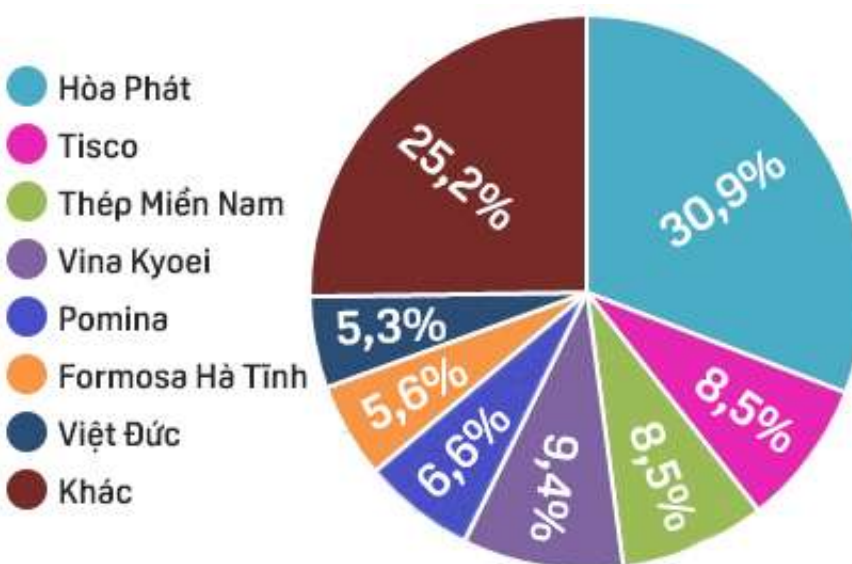


Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG): Với mặt hàng thép xây dựng, trong tháng 11 vừa qua, Hòa Phát sản xuất 280.586 tấn, tương đương 32% sản lượng toàn ngành. Đồng thời, tập đoàn của tỷ phú Trần Đình Long tiêu thụ 344.313 tấn, tăng 14% so với tháng 11/2019, tăng gần 38% so với tháng liền trước và chiếm thị phần 30,9% cả nước.

Các doanh nghiệp đứng sau về thị phần là Vina Kyoiei, Tisco, Thép Miền Nam, Pomina, Formosa Hà Tĩnh, Việt Đức,...

Theo số liệu của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), lượng tồn kho thép xây dựng của Hòa Phát thời điểm cuối tháng 11 là hơn 71.000 tấn, giảm gần 64.000 tấn so với cuối tháng 10. Tổng cộng 11 tháng đầu năm, Hòa Phát đã bán ra gần 3,1 triệu tấn thép xây dựng, tăng gần 24% so với cùng kì 2019 và chiếm lĩnh 32,5% thị phần.

Trong thời gian qua, Hòa Phát đã nhiều lần nâng giá các sản phẩm thép. Gần đây vào ngày 15/12, tập đoàn tăng giá 500.000 đồng/tấn đối với thép cây và 400.000 đồng/tấn đối với thép cuộn xây dựng (chưa bao gồm thuế VAT).



Biểu đồ 12: Thị phần tiêu thụ thép xây dựng tháng 11/2020

(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ VSA).

Với sản phẩm ống thép, Hòa Phát bán ra 95.117 tấn trong tháng 11/2020, tăng 41% so với tháng liền trước đó và chiếm thị phần 34%. Đây cũng là mức sản lượng cao nhất trong lịch sử tập đoàn.

Tốc độ tăng trưởng của Hòa Phát cao hơn so với mức chung 32% của toàn ngành. Sản lượng tiêu thụ của Hòa Phát ở khu vực miền Bắc tăng 34,2%, miền Nam tăng 33,7%. Miền Trung tăng 17,8%, thấp hơn hai miền còn lại do gặp mưa bão liên tiếp.

Với thép cuộn cán nóng (HRC), Hòa Phát xuất xưởng gần 169.500 tấn trong tháng 11, bằng một nửa nhà sản xuất HRC còn lại là Formosa Hà Tĩnh.

Tập đoàn tiêu thụ hơn 120.000 tấn HRC, trong đó có 110.000 tấn ở thị trường miền Bắc, còn lại là ở miền Nam, không có khách hàng ở miền Trung hay xuất khẩu.

Mới đây Hòa Phát cho biết sẽ tái cơ cấu trong năm 2021 theo mô hình Tập đoàn quản lý 4 tổng công ty trực thuộc bao gồm: Tổng công ty Gang Thép, Tổng công ty Ống thép và Tôn mạ màu, Tổng Công ty Phát triển Nông nghiệp, Tổng Công ty Phát triển Bất động sản.

Tổng công ty Phát triển Nông nghiệp đã được thành lập từ năm 2016. Tổng công ty Phát triển Bất động sản được Tập đoàn quyết định thành lập vào ngày 8/12 vừa qua, vốn điều lệ dự kiến là 2.000 tỷ đồng do Hòa Phát sở hữu 99,9%.

Tập đoàn đang hoàn tất thủ tục để thành lập Tổng công ty Gang thép và Tổng công ty Ống thép và Tôn mạ màu trong tháng 12 này.

Công ty Chứng khoán TP HCM (HSC) cho rằng mô hình hoạt động mới sẽ giúp quản lý hiệu quả hơn. Hòa Phát sẽ chỉ có 4 tổng công ty thay vì 11 công ty con trước đây, từ đó giúp đơn giản hóa các quy trình quản lý của Tập đoàn.



Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG): Trong tháng 11 vừa qua, Hoa Sen tiếp tục dẫn đầu thị trường tôn mạ khi tiêu thụ xấp xỉ 128.000 tấn sản phẩm, chiếm gần 36% thị phần cả nước.

Theo VSA, thị trường lớn nhất của Hoa Sen là xuất khẩu với sản lượng hơn 73.200 tấn, theo sau là miền Nam với trên 33.000 tấn.

Trong tháng, Hoa Sen sản xuất 143.583 tấn tôn, chủ yếu là tôn mạ kẽm với gần 68.100 tấn, kế đến là hợp kim Al-Zn 50.343 tấn và tôn mạ màu 25.146 tấn. Tổng lượng tôn tồn kho cuối tháng 11 là gần 85.000 tấn.

Giữa tháng 11, Hoa Sen thông báo tăng giá một số mặt hàng thứ phẩm, phụ phẩm do giá thép cuộn cán nóng (HRC) nguyên liệu trên thế giới lên cao đột biến.

Ngoài sản phẩm thế mạnh nhất là tôn, Hoa Sen còn tiêu thụ hơn 47.600 tấn ống thép trong tháng 11, tăng 48% so với tháng 10 và đứng thứ hai về thị phần với tỉ lệ 17,1%. Thị phần ống thép của Hoa Sen hiện nay chỉ đứng sau Hòa Phát và xếp trên Minh Ngọc, Nam Kim.



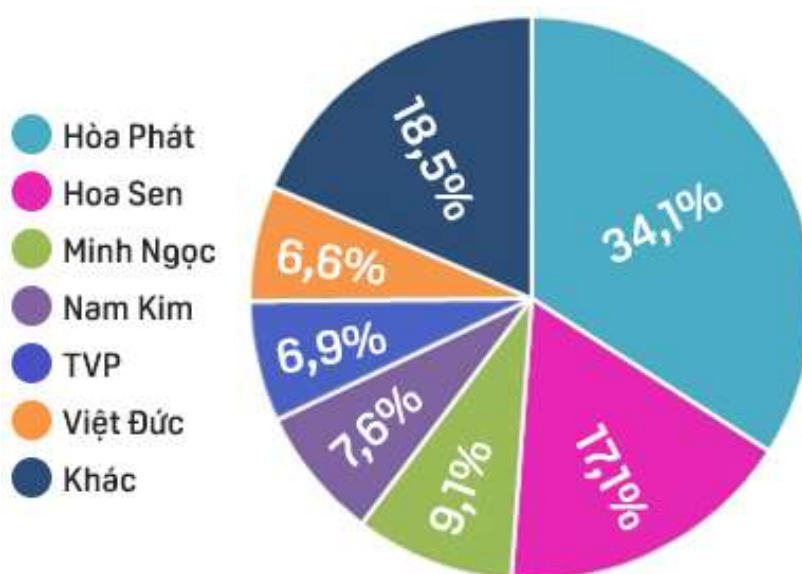
CTCP Thép Nam Kim (Mã: NKG): Trong tháng 11, Nam Kim đã thông qua chủ trương đầu tư xây dựng kho hàng tập trung và di dời phân xưởng ống thép, đồng thời tối ưu hoạt động sản xuất, khai thác tối đa công suất của các nhà máy mạ.

Tổng diện tích dự án khoảng 4 ha, trong đó phân xưởng sản xuất và kho hàng sẽ có diện tích 25.000 m², nằm trong bán kính 10 km tính từ nhà máy hiện tại.

Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 250 tỉ đồng. Trong quý I/2021, Nam Kim sẽ mua đất và xây dựng mới hoặc mua lại các doanh nghiệp đang hoạt động.

Ngày 5/1/2021 sắp tới, Nam Kim sẽ trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền mặt với tỉ lệ 3%, tương đương 300 đồng/cp. Tổng giá trị chi trả là gần 52 tỉ đồng.

Trong tháng 11 vừa qua, Nam Kim tiêu thụ 42.800 tấn tôn mạ và gần 21.300 tấn ống thép, lần lượt chiếm 12% và 7,6% thị phần cả nước.



Biểu đồ 13: Thị phần tiêu thụ ống thép tháng 11/2020

(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ VSA).

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)	World Steel
Trung tâm Thông tin Công Nghiệp và Thương Mại (VITIC)	MySteel
	SteelHome
Hiệp hội Thép Nhật Bản	Trading Economics
Viện Sắt thép Mỹ	Fastmarkets
	Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép tháng 11/2020” được Biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

ĐỂ THEO DÕI CÁC BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP ĐỊA CHỈ:



Báo cáo thị trường thép
tháng 8/2020



Báo cáo thị trường thép
quý III/2020



Báo cáo thị trường thép
tháng 10/2020



Mục “Báo cáo ngành hàng”
- VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI ĐỊA CHỈ:

Trịnh Huyền Trang

Thư kí tòa soạn phụ trách mục Hàng hóa – trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 0995222999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 3 - Tòa nhà Compa Building - 293 Điện Biên Phủ - P. 15 - Q. Bình Thạnh - TP.HCM

Chi nhánh: Số 5 - Khu 38A Trần Phú - P. Điện Biên - Q. Ba Đình - Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi

